

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 1

(Phần Trung)

Tiếp, chỉ Bản tích chia làm hai phần: Trước pháp, sau dụ. Phần pháp chia làm năm:

1. Chỉ Bản nhân nhận được.
2. Từ “Chỉ có đức Phật...” trở xuống, là chỉ bản quả sở thuyết.
3. Trung gian hành hóa.
4. Ngày nay sở thuyết.
5. Vị lai sở thuyết.

Từ bản nhân thọ lãnh chẳng gì không chân thật, ba đoạn tuy đều chân thật mà Bản không thể nhiều. Cho nên, ba văn dưới đều đồng một bản nhân quả chân thật ba đoạn giáo tướng. Trong đây chính là sơ lược cái chân thật vốn có từ lâu, cho nên nói vậy. Nhưng vì bản nhân nhận được cũng là cái mà Đức Phật kia tích nói, sợ lý không cùng, cho nên chỉ tại nhân quả đức Phật nay làm bản, căn cứ lý thì chẳng phải không thọ lãnh các đức Phật khác hóa. Nhân duyên căn cứ giáo đã chỉ đức Phật nay, cho nên nêu Bản tích. Lại phế bỏ nơi khác, cho nên nêu Thọ lượng ở kinh này là Bản của Phật Thích-ca, không được lại chỉ sở thuyết của Đức Phật trước. Phật trước lại có Phật trước nữa, cho nên nói không cùng, chỉ một đức Phật thì không có lỗi này. Chiếu cố ở đây một Bản, còn lại đều là Tích.

Hỏi: Sợ rơi vào lỗi không cùng, chỉ luận đức Thích-ca, nay muốn luận về giáo lần lượt nhận được từ Chư Phật. Rốt cuộc có một đức Phật vào thời đầu tiên (tại sơ) không có giáo, không có giáo làm Bản thì có gì không cùng. Nếu chấp nhận có cùng thì rơi vào lỗi không nhân?

Đáp: Rũ tích cầu bản, bản cầu sở thuyết để thấu hoạch lợi “Thật”. Dù có đầu tiên hết (tối sơ) không đồng với đầu tiên hiện tại (kim sơ), thì Hành và giải có ích lợi gì?

Hỏi: Nếu chấp nhận có tối sơ không có giáo, thì đâu cần bám thọ giáo Phật nay?

Đáp: Thời không có giáo thì bên trong luân tu tự ngộ, ngày có giáo thì đâu được chấp mê? Như trăm người mê mù đều không biết đường. Một người mê thông suốt trước dùng dạy các người mê khác, các người mê khác chấp ngu, không nhận lời dạy trước, thì ai có lỗi ư? Lại nữa nghiệm đức Thích-ca một phen hóa được lợi ích khó nghĩ bàn, hưởng chỉ lại như trước lúc ấy lợi ích khó xứng biên chép? Đâu thể không bảm thọ giáo, nhưng cuối cùng thành bàn luận vô ích! Không thể lấy đây làm cùng; đo không có ích đối với sự bảm thọ giáo, cho nên lại ở mười phương thế giới cũng có ngửi mùi hương, giác biết xúc, thấy sáng mà được ngộ, đâu dùng thanh giáo cầu sơ kia ư?!

“Sư tử phấn tấn vị lai vĩnh vĩnh”: Phấn tấn đầy đủ hai nghĩa: Tả hữu như hiện tiền trở lại, như vị lai. Sở văn dưới nói: “Giải thích câu đây, nên đủ hai cách: tức hiện tại và vị lai”. Nay theo cách sau, cho nên nói vị lai; trước theo cách trước, cho nên nói hiện tại. “Ví như đại thọ”, tổng thí dụ ba tiết trước là Bản tích trong đạo chơi. Nói “v.v...”, là để hiểu nên không hợp dụ nữa.

Tiếp, chỉ bày tướng Quán tâm: Đầu tổng, sau biệt. Trong tổng có hai lớp: 1. Căn cứ tu hành. 2. Căn cứ pháp môn. Hành là pháp sở hành, tức sở dụng. Hành thì đầu giới, tiếp định, sau tuệ. Dụng thì đầu dùng tuệ để chọn lựa, sau mới định giới. Định là gốc của giới, cho nên giới lại ở sau. Lại, Quán tâm như trong Huyền Văn nói: hoặc căn cứ hành tướng hoặc căn cứ pháp môn, hoặc theo quán cảnh, cho nên hiểu văn liệt bày ra, cũng đối ba phần nghĩa sẽ quán tâm. Tiếp, biệt ý: ba phần đều có ba: Đầu tiên, giới có ba tức là phương tiện như Tựa, “bạch tứ Yết-ma” như Chánh, kết xong như Lưu thông. Nói “tiền phương tiện”: Đơn bạch về trước, đều là phương tiện. Định ba phần: Hai mươi lăm phương tiện làm Tựa, nhập quán oai nghi ngồi làm Chánh, đi đứng trải qua duyên làm Lưu thông. Cũng có thể coi tập học là Tựa, tự hành là Chánh, dạy cho người là Lưu thông. Hai thứ còn lại đều như vậy.

Tiếp, lại căn cứ “khéo nhập, xuất, trụ...”: đây là y kinh nêu bày. Nếu theo ba phần thì nhập là Tựa, trụ là Chánh, xuất là Lưu thông. Ba phần Tuệ cũng như vậy. Theo văn theo nghĩa thứ lớp đều không đồng. Ba phần nên nói: Không là Tựa, Trung là Chánh, Giả là Lưu thông. Nói “mà thoát lui”: Cuối kinh chỉ nói “mà lui”, lui chỉ là thoát. “Chỉ chuẩn theo hướng về bình đẳng”, là khiến dùng hết bốn ý, tức lời nói kia là khó, mà chỉ muốn cho không lầm tông chỉ. Như cùng dấu vết “hàm”(mặn) hiểu chữ “hàm”, sợ lầm, chỉ nên làm nghĩa riêng. Hoặc sợ hiểu nghĩa như dòng chảy vào biển đông một vị mặn, văn thể nói ngược, cho nên

biết không hẳn đều dùng bốn ý. Lại một chữ “quán tâm”, trừ trong An lạc hạnh tu nhiếp tâm kia..., ngoài ra đều là nghĩa lập. Lại Bản môn, tuy Bản chỉ một chữ Thọ lượng, Chánh nêu Bản tích, ngoài ra cũng nghĩa lập. Lại trước, Tích môn chuẩn theo bộ là có, cho nên nghĩa lập. Về sau trong Bản môn trừ Thọ lượng xong, thì lý hợp có, cho nên nghĩa lập. Lại quán tâm, văn Tựa và Lưu thông là căn cứ theo Chánh tông, lý cần nghĩa lập. Ở trong Chánh tông chỉ có An lạc hạnh lý nhất định cần, cho nên còn lại đều là nghĩa lập. Tích môn thì phần Chánh thuyết đã nói “khai hội”. Nếu mê, thì quán cảnh khai quyền hiển thật, trong Bản môn thì tăng niệm Phật quán, tăng đạo tổn sinh, trong lưu thông thì Tùy Hỷ Bất Khinh, chỗ y cứ của Tam-muội, chỗ nương nhờ của các hạnh, tất cả không thành. Dùng tên gọi “Quán tâm” chung cho các pháp quán. Trung gian quán “tam tức” (tức Không, tức Giả, tức Trung), là pháp quán thông dụng của chúng đương cơ và chúng kết duyên, là công hóa độ của chúng ảnh hưởng và chúng phát khởi. Nếu thành, thì thành phần chứng quán, do đó một chữ “Quán tâm” người ta sẽ cho là rất rộng, đối với lý rất trọng yếu. Huống chi nay Đại sư lại làm thành đối với học giả sơ tâm! Bắt đầu từ “Như thị” cho đến “mà lui”. Thấy văn khác biết một quán, cũng biết kinh văn xưa đồng mà quán khác và văn quán đều khác, cũng biết đương giáo văn quán đều đồng. “Kiêm” v.v... “Khai” v.v... theo lệ có thể biết. Vì vậy nên, cần phải quán tâm để giải thích. Giải thích theo nhân duyên, thì tùy thế của nghĩa kia cần phân ra xưa, nay. Trước, giải thích trong phần Tựa trên biện minh thông biệt, tiếp, chánh giải thích Thông tựa.

Phần đầu, văn lại có hai: Trước chia làm hai văn, tiếp chánh biện sai khác. Trong đó nói: Thông tựa thông các giáo, cũng có thể nói Thông tựa chung các bộ. Biệt tựa riêng một bộ. Cũng có thể nói Thông tựa chung các kinh, Biệt tựa riêng một giáo. Bộ giáo kinh này chỉ tại một giáo cho nên lại dùng giáo đối kinh mà nói. Lại, Thông tựa thì danh thông mà thể biệt; Biệt tựa thì sự biệt mà nghĩa thông. Nghĩa thông cho nên thông có biệt tựa. Thể biệt cho nên biệt tại kinh này. Cho nên biết kinh này thông biệt đều biệt, biệt tại Phật thừa. Do các “Như thị” không liên quan đến các kinh, mới có thể được gọi là Tựa của các Chánh văn. Chánh văn được gọi là Chánh văn của các Tựa. Thế nên, một và nhiều nương nhau, ba đoạn có thể biết. Cho nên, giải thích như vậy xong một bộ rõ ràng. Nếu không như vậy, thì đâu có Tựa tiễn khách mà trình bày du sơn, văn bia thiền tổ mà luận bàn luật tụng. Cho nên, phải nghiên ngẫm từ đầu đến chân đều là một thân, đâu dùng cách thông thường nói

mà có thể hiểu rõ hai Tựa thông biệt. Nếu không khác, thì chúng phát khởi chẳng dùng. Ở trong đó, trước nêu lý hợp nói: hoặc năm hoặc sáu hoặc bảy. Năm thì như văn hợp Phật và xứ. Sáu thì tách lìa Phật và xứ. Bảy thì tách lìa “Ngã” và “văn”. Phần đầu Thông tựa vốn khởi nguyên do là A-nê-lâu-đậu khiến A-nan hỏi Phật, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu chép.

Tiếp lược giải năm nghĩa: “Nghĩa là thể của pháp...”, lược ý giải thích hiển bày, cho nên trước nêu như thế. Dưới trong phần giải thích rộng dù có giải thích bao gồm cũng chỉ bên cạnh nghĩa chung thôi! Phần đầu, nói “Thể của pháp được nghe”, bốn giải thích ở văn dưới chỉ thông một bộ, Biệt ở chánh tông, lưu thông cũng có thể bao gồm Biệt tựa, thì hoài nghi đáp hỏi và vô lượng nghĩa, chung gọi là “nghe”. “Mưa hoa, động đất”, là tiêu biểu lời nói, chung đều là tiêu biểu “nghe”, cho nên từ đầu đến cuối một kinh là thể của pháp được nghe. Nói “Văn trì hòa hợp v.v...”, là nhân duyên hợp. Luận chung năm nghĩa đều là nhân duyên, như trước đã nói trong phần Thông biện bốn ý. Bên dưới tổng kết năm nghĩa, nói: “đều là nhân duyên”. Nay lại từ Biệt căn cứ nghĩa “Thời” mạnh, riêng nêu hòa hợp. Nói “văn, trì” chỉ ở A-nan, nói “hòa hợp” nghĩa thông hai hưởng, do cơ hội nên “văn trì hòa hợp”.

“Thứ đệ tương sinh”: lại căn cứ nhất vãng. Nếu nghe “Như thị v.v...” và hóa chủ ở phần đầu cũng có thể thông dụng. Tiếp, “Lại, như vậy...” là rộng giải thích. Trước giải thích như thị. Đầu trong nhân duyên, thế giới tức là hoan hỷ cho nên nói “không tránh”, chư Phật đều như vậy chưa đủ biệt hiển. Nếu căn cứ kinh này, thì trước thi thiết, tiếp khai, mới gọi là “không tránh”. Sự thì căn cứ giáo cho nên ở đây chưa luận. Nay dẫn chư Phật dùng khác để hiển đồng, cũng là nghĩa thế giới. Nêu thời phương: “Như vậy” là có thể tin, bởi có thời phương, tức nói “như vậy” được lợi ích thời xứ. Phương: là núi Kỳ-xà-quật cũng như chung với xưa. Thời: hiển biệt vị khiến xứ không phải chung, tức là sinh thật tín. Phương là kinh này Vị nhân Tất-đàn. “A Âu”: A là không, Âu là có. Tất cả các kinh ngoại của ngoại đạo đều đặt hai chữ này lên đầu, vì chấp hai chữ này là gốc; trong bộ nêu rõ không ngoài sở chấp. Cho nên lập hai chữ “Như thị”, để đối phá ngoại đạo là bất như, bất thị. Chuẩn theo bên dưới ước về giáo, thì ngoại điển hoàn toàn không, cho nên nói phá ác. Bách luận nói: Ngoại đạo hỏi: Ông chỉ cho biết thiện pháp là gì? Nội đạo nói: Dùng ác, làm thiện. Ngoại đạo nói: Kinh ông có lỗi, ban đầu không tốt lành; kinh tôi không như vậy, từ đầu đến cuối đều tốt lành. Nội đạo nói: Phạm tất cả pháp có ba thứ là: tự, tha, cộng. Bởi

vì pháp tốt lành của ông không có tự..., cho nên tôi trước phá hữu, vô, tự sinh và tha cộng... Bởi vì chấp hữu vô làm tự tha..., gọi đó là ác, cho nên kinh tôi trước nói Chỉ (dừng). Nếu vậy Trung luận phá đủ bốn câu, kia vì sao không phá tự nhiên ư? Đáp: Chấp tự nhiên là thuộc về hữu vô. Cũng có tự nhiên chẳng thuộc về hữu vô. Lại, theo một con đường, cho nên Trung luận nói: Từ nhân duyên sinh còn không thể, huống lại không nhân duyên, tự nhiên dễ phá cho nên chỉ so sánh thì biết, chỉ bốn chấp nghĩa thông. Nếu chỉ phá ngoại, thì vẫn chưa lìa Tiểu, đâu hợp với kinh này. Vả lại, dẫn luận văn thành nghĩa “phá ác”. Nếu y kinh này, còn phá cả các cái ác của “Kiêm, Dẫn, Đối, Đới” (tức là bốn thời giáo trước trong năm thời phán giáo của Tông Thiên Thai), đâu riêng gì ngoại điển ư? Trong đệ nhất nghĩa lại thông chỉ đạo biên, chưa phân sâu cạn cho nên biết văn gồm tứ Tất-đàn, chẳng phải không riêng phá các giáo cạn sâu, mà ý ở chỗ nêu hoan hỷ... bốn thứ, cho nên lại cần căn cứ giáo để phán xét đồng và khác. Lại trong phần giải thích Tựa thì ba Tất-đàn trước phần nhiều căn cứ sự, trong đệ nhất nghĩa thì hoặc đã nhập thật hoặc lại thông phương. Lại ba Tất-đàn trước thì hướng về biên hạn của Viên thật, gọi đó là sự, đối với ba giáo trước có lúc cũng tại lý. Nếu trong chánh tông đều tùy bản văn, thì văn tứ Tất-đàn đây tại Đại luận. Đầu tiên nói trong duyên khởi kinh tổng có hai mươi ba. Lại nữa, trong đó trước hỏi: “Có nhân duyên gì mà nói kinh này?”. Đáp: “Trong đó nói Đệ nhất nghĩa”, là biệt chỉ Diễn môn làm đệ nhất nghĩa, nhân liền giải thích ngoài ba Tất-đàn trước. Lại chỉ Tam Tạng luận nói: Tứ Tất-đàn nhiếp tám vạn bốn ngàn pháp tạng, cho nên nay thông dụng, đầy đủ như Huyền văn dùng khai mười môn. Lại, “Tịnh Danh Tiên Huyền” tổng có mười quyển, nhân vì Tấn vương biên soạn Tịnh Danh số, riêng chế lược huyền, mới tách “Tiên huyền” chia làm ba bộ, riêng lập đề mục gọi là Tứ giáo sáu quyển, Tứ tất hai quyển, Tam quán hai quyển. Trong hai quyển kia văn rất bề bộn. Nói “rất rộng”: 1. Lời Đại sư nói. 2. Thu nhiếp nhiều ý, huống gì kinh này như vậy. Phải trải qua tám giáo để nêu rõ tứ Tất-đàn mới hiển bày kinh này duy nhất Như thị Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, cho nên nói “rất rộng”. Lại, các nhà khác giải thích động tức ba, bốn như bản, phần nhiều ở nghĩa nhân duyên mà Đệ nhất nghĩa còn ít, huống lại căn cứ giáo Bản tích... ư? Căn cứ trong giáo đầu kinh nói: Ở trong Phó Pháp Tạng, đây cũng gọi là Kinh Phó Pháp Tạng, trong đó chia làm ba: Đầu thông giải, tiếp biệt trách, sau từ “Lại y...” trở xuống là chánh giải thích.

Văn phần đầu lại có bốn: 1. Nêu chung kinh Phật ba đời làm gốc,

2. Dẫn tám giáo của Phật xưa. 3. Dẫn giáo của Phật nay đồng. 4. Nêu kinh nay tiêu biểu khác. Ba đời: Trước nêu quá khứ hiện tại so sánh đương lai, chánh dùng quá khứ vị lai so sánh hiện tại, hoặc chánh dẫn quá khứ, để làm chuẩn cho nay. Cho nên, chỉ tám giáo của Phật xưa. Nói tám giáo: Dem bốn thứ: Tạng, Thông, Biệt, Viên nhập vào bốn thứ: Đốn, Tiệm, Bí mật, Bất định, thì “Như thị” trong bốn vị đều sai khác, hướng chi trong “Đốn, tiệm, bí mật, bất định”, bốn giáo thông, tất mỗi mỗi không đồng. Trước hiểu rõ bất đồng Như thị bất nhất, mới biết Pháp Hoa Như thị bất dị, thi thiết và khai phế thì căn cứ theo lệ có thể biết. Hết thấy chữ Phật thị hiện ở đời ngũ trước thấy đều như vậy, cho nên nói “cũng như vậy”, còn lại như Huyền văn. Tiếp “Các kinh...” trở xuống, nêu kinh này tiêu biểu cái sai khác, lại có hai: Trước pháp, sau dụ. Pháp Hoa vượt hơn tiêu biểu một thời kỳ giáo. Nếu đem giáo đây để so sánh giáo xưa, thì giáo đã sai biệt, bộ lại không đồng. “Kiêm, Đãn, Đối, Đối” Quyền Thật, Viễn Cận, đủ biết tiến hay không, mới hiểu được kinh này. “Như thị” đã vậy, các nghĩa khác đều chuẩn theo đây. Đâu được như các Sư chỉ dùng một chìa mà đòi mở tám cửa giáo, hợp với các giải thích của Sư xưa không ra ngoài một ý nhân duyên, cho nên nói một chìa. Hướng chi một, hai Sư đâu thể mở tám giáo, hướng chi căn cứ ba giáo v.v... tin xưa nay sâu rộng.

“Lại nữa Phật A-nan...”: lập pháp biệt trách, lại có bốn: 1. Lập pháp thông: Nếu hai văn không khác thì gọi là “Như”, 2. “Như hạ sở thuyên” gọi là “thị”. Tám giáo đều như vậy. “Tiếp, nay A-nan...”: nêu kinh này A-nan để trách. Kinh này thuộc giáo nào trong tám giáo ư? Nếu chẳng vượt tám thứ như vậy, thì cái gì là sở văn của kinh này? 3. “Không thể dùng...” là kết trách, cho nên nói “không thể dùng Tiệm...”, lược nêu Tiệm, Thiên. Đáng lý phải nêu đầy đủ rõ Bí mật, Bất định và chọn Đốn bộ. Các sư đã không biết tám giáo khác nay, cho nên hai văn truyền thuyên bất như, bất thị. 4. “Truyền thuyên...” là kết lỗi. “Nghĩa đây...” là khuyên gắng sức. Nếu hiểu được ý đây thì không nhọc công nêu lại, lý kia tự xét kỹ.

Thứ ba, từ “Lại y...” trở xuống, là chánh giải thích, lại có ba phần: 1. Căn cứ Tiệm giáo, tránh nhiều văn rườm rà nên nhờ Tiệm để nêu rõ bốn. 2. “Như đốn...” giải thích ba thứ Đốn v.v... 3. “Khai diễn tám giáo...” là kết trách Sư xưa. Phần một văn lại có hai: Đầu, căn cứ truyền thuyên tương đối để giải thích, tiếp “Nếu động...” là trực tiếp căn cứ sở thuyên quán để để giải thích. Ở thời sở văn đều đầy đủ năng sở, cũng là dùng lý để kết giải thích lược trước. Cho nên, bốn giải thích đều lấy

“Như” đặt tên. Lại, trước dùng văn khế hợp lý, gọi đó là Như, chỉ sở truyền xứng văn là “thị”. Đây dùng trí như cảnh làm “Như”. Như thông hai Chân như, cho nên hai giáo trước Tục đối Thiên Chân, hai giáo sau Tục đối Trung đạo. Hai văn đều có hai tùy nghĩa mà hiểu. Cho nên, trước căn cứ truyền thuyết trong mỗi một văn đều dựa theo đế và văn tự. Năng thuyết đã đồng, nghiệm thì biết lý sở thuyết tương đương. Sở thuyết sở truyền đều là thể của sở văn. Cho nên, hai giáo đầu đều dùng văn tự làm Tục, sở thuyết làm Chân, chỉ có tức và bất tức dị, chính là biện rõ hai giáo truyền thuyết không đồng. Hai giáo sau đều dùng năng thuyết đối tam đế sở thuyết mà nói, cũng tức bất tức dị. Dùng bốn lệ bốn cũng có thể thấy. Nếu không như vậy, thì đâu dùng A-nan truyền giáo vô thuyết của Phật. Cho nên văn kia pháp lý tương xứng, đó là Ngã sở truyền. Cho nên dưới mới nói “nghe v.v...”. Nói “v.v... (vân vân)”, tức lẽ ra dùng đây đối hưởng bốn văn và dùng giáo đầy đủ ở trong Tiệm có nhiều ít, mà vì chuẩn theo trước có thể biết cho nên không liệt kê. “Tiếp, ba giáo: Đốn v.v...”: Nói “Đốn là đồng với Viên”. Lại từ phần ít vì giáo kia có kèm cả Biệt, nay lại theo nghĩa thù thắng cho nên nói “đồng với Viên”. Đáng lẽ lại nói: Biệt giáo trong Đốn đồng với Biệt giáo trong Tiệm. “Không nói Tiệm giáo có đồng, khác”: Tiệm đã lia bốn, nên Viên tức thu nhiếp Viên trong các bộ. Ba giáo tức là sự khác nhau trong các bộ, cho nên chỉ đối ba giáo còn lại. Trong Bất định giáo nói: lại xen kẻ, tức đều căn cứ bốn giáo tiệm, đốn mà nói. Sáu cạn đối nhau, cho nên nói trước sau. “Bí mật bất truyền”: Bồ-tát giảng sinh làm Phật về sau, chẳng thuật lại, nếu không phải A-nan năng thọ lãnh, thì người hoằng giáo há lường được! Lại A-nan không phải không truyền bí mật, mà vì phó cơ là bí mật, không phải sở truyền, cho nên sở dụng của bí mật toàn là hiển giáo, truyền bí mật chỉ là truyền hiển.

Phần ba: “Khai diễn tám giáo...” là kết trách. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giăng lưới Phật giáo chạy dài biển pháp giới như lọc hết cá nhân thiên đặt lên bờ Niết-bàn”, cho nên biết Phật giáo không ra ngoài tám thứ này. Sở thuyết không ngoài cho nên nói “pháp giới”. Lưới giáo đã chạy dài nơi pháp giới, thì Niết-bàn ắt biến khắp Thiên Viên. Bờ chỉ cho quả địa Nhất như, giáo ắt có Quyền thật Bản tích. Thiên nhân cơ đầy đủ các giáo, lọc đến Niết-bàn cứu cánh. Cho nên, các sư giải thích thiên lệch thì không thể một mình giăng lưới nổi. Ví như người đọc trộm, mà còn nói: Thiên Thai chỉ có bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Thật quá mê muội thay! Thật quá mê muội thay! vậy nên phải biết phương pháp hiểu rõ kinh. Đốn... là đại cương phán giáo của tông

này, Tạng... là cương mục một nhà giải thích nghĩa. Nếu hiểu các giáo chỉ dùng Tạng..., thì văn đó ít thông. Nếu giải thích Pháp Hoa không có tám thứ: Đốn v.v... thì nêu ra chỉ sai lầm. Lại nêu dụ trách, nói: “tiếp bốn mũi tên...”. Vì trong Đại kinh, Bồ-tát Ca-diếp hỏi: “Vì sao người trí quán niệm niệm diệt?” Phật dạy: Ví như bốn người đều giỏi thuật bắn cung tụ họp chung một chỗ, mỗi người bắn một phương, nghĩ rằng: Chúng ta bốn mũi tên đều bắn, đều rớt. Lại có người nghĩ: cho đến khi mũi tên chưa rớt, ta có thể đồng một lúc dùng tay tiếp nhận. Phật dạy: Loài quỷ Tiệp-tật thì nhanh hơn người ấy; như là quỷ bay đi, Tứ thiên vương, thần Nhật Nguyệt, Kiên-thật thiên lần lướt nhanh hơn trước, vô thường còn nhanh hơn nữa. Nay mượn ý “tiếp bốn mũi tên” để dụ tám giáo, mà chưa dám xưng là đảm đương, hướng chi xưa chỉ có một, hai như lừa què ư! Nếu hiểu sâu ý này thì vào văn tự mình thông suốt.

Nói “v.v... (vân vân)”: là lẽ ra nêu tám giáo để dùng ý hợp thí dụ, hướng chi nếu không hiểu khai quyền thị hiện cận, thì không biết tám giáo và ý chỉ kinh chưa phân rõ. Sở dĩ văn nay phần nhiều không nói mở ra, vì đầy đủ trong Huyền văn. Lại Khai Hiển Viên và Kiêm Đối Viên, hai lý không khác cho nên nói Đốn và Viên đồng đẳng, cho nên nghĩa Bí mật, Bất định đều hàm chứa bốn, Hiển và Mật, Định và Bất định, chỉ là luận đối nhau.

Tiếp “Căn cứ Bản, Tích”: Văn tuy chưa đến chứng tín mà nghĩa đã thông, như trước nói, lại chia làm năm: 1. Nêu chung ba đời mười phương. 2. Nêu chung ba đời. 3. Riêng nêu đức Thích Tôn. 4. Chánh căn cứ truyền thuyết. 5. Lại nêu bày Tích. Hai phần đầu, đã chung ý một Bản khó định, cho nên lại căn cứ dưới duy nhất chỉ đức Thích-ca. Tiếp, “Lại A-nan...”, là căn cứ truyền thuyết, nghĩa Thầy trò đối nhau để lập Bản Tích. Từ “Sư đệ...”, là hiển A-nan bản. Cho nên, trong năm phần văn chính là dùng phần thứ ba thứ bốn, hiển Như thị nay. Văn đầu nói ngang dọc: “mười phương” là ngang, “ba đời” là dọc. Mười phương chữ Phật đều tự có dọc chẳng phải ý văn nay, cho nên lại căn cứ bên dưới nêu đức Phật nay. Quá khứ một Bản, còn lại đều thuộc về Tích. Trong “Sư đệ” cũng chỉ Bản lâu xa, ngoài ra thuộc về Bản Tích trong Tích mà thôi! Lại lần nữa nêu rõ: Muốn thuật Bản địa cũng là Sư đệ, cho nên nói “chẳng phải mới ngày nay”. Nên biết thời Đức Phật Không Vương cũng chẳng phải A-nan Bản.

Tiếp, “Căn cứ Quán tâm”: ba giải thích trước đều là sở quán, cho nên nói “quán trước”. Tất-đàn là nhân duyên trước. Giáo là ước giáo trước. Tích là Bản tích trước. Bình đẳng lấy ba thứ giải thích đều đầy

đủ các nghĩa. Bản tuy lâu xa, Viên đốn tuy thật, Đệ nhất nghĩa tuy lý, mà đối với quán thuộc sự cho nên đều thành cảnh. Cho nên, đối ba là quán (liền) thành bốn giải thích. Trong đó lại có ba: 1. Chung lập tướng quán 2. Dẫn văn chứng thành. 3. Ước văn hiển bốn. Phần đầu, nói “tức thông”: Đây đủ nên nói “duyên sinh tức Không”, tức chỉ ba thứ trước đều duyên sinh, hưởng cảnh duyên sinh trước thông Tam đế. Từ “tức Không biên”, lại phán thuộc Thông. Nên biết, Không quán thông tất cả, “Không Giả thành biệt”, Địa tiền theo biệt chứng, đạo ắt đồng. “Cũng thông cũng biệt”: là phạm thông, Thánh biệt. Phạm thì thông giáo trước, Thánh thì hạn cuộc trong chứng. Không, Giả vẫn thông, Trung mới biệt. Địa tiền, thì Không Giả thông nơi sở phi và sở chiếu. Đẳng địa, thì biệt tại năng phi năng chiếu, chân thật. Đây là Biệt gia đối Thông Biệt khác, hoặc chỉ Biệt giáo cùng trước vĩnh viễn sai khác. “Chẳng Thông chẳng Biệt” đều là pháp giới. Cả hai phi, biện minh rõ thì Biệt cùng trước lại khác. Trong đây đã dùng nhân duyên, giáo, tích, mà làm cảnh quán, không thể lại dùng Tạng Thông quán để quán, vì vậy cho nên chỉ nương bốn câu thông biệt, nhờ căn cứ giáo, nghĩa mà tạm phân biệt. Lại làm thành bốn câu, cho nên nhờ Biệt giáo tách làm hai câu, câu thứ tư tức là diệu quán của kinh này.

Tiếp, văn dưới nói “lui”: Dẫn phẩm Thí Dụ chứng thành tướng quán, ba tín thì dưới lại căn cứ Quán tâm thành nhân duyên... mà giải thích kinh văn. Nhất tâm tức đủ bốn thứ: cảm ứng v.v... “Tín cơ kiến ứng”: Trong nhất tâm thì năng tín như “cơ”, giác tâm như “ứng”. Nói “cạn sâu”: nghĩa đương phán giáo. Tin thật tướng tâm chẳng đồng với quyền, thật tướng sâu chẳng đồng các thứ cạn khác. “Lại, tin...” là căn cứ quán mà luận Bản, thì diệu giáo là Tích, sở thuyên là Bản. Thấy bản thật tướng tức thấy thầy trò trong kinh là Bản, vì chủ và bạn đều đặc thật, vì Long Đà đã thành từ lâu, từ nơi sở chứng làm bản. Nói “Long Đà Phật”: Chân đế nói: Tu-bồ-đề là Đông phương Thanh Long Đà Phật. Có người dẫn Kinh Đại Bảo Tích nói: Xá-lợi-phất thành Phật, hiệu là Kim Long Đà. Chưa xem xét kỹ. Chỉ đây thì biết tất cả Thanh văn đều như vậy, bởi vì thấy Tích của Không sinh (Tu-bồ-đề) và Thân-tử thì biết Bản của tất cả Thanh văn. “Lại, nghe kinh...”, là chính dùng quán tâm giải thích thành quán tâm, tâm năng giác gọi là “Phật”, tức tâm giác đây gọi là “tuệ”, cũng tức giác tâm thông số đầy đủ, tức giác tâm đây cùng đều có hồng thệ, gọi là “từ tâm tịnh”.

“Căn cứ tâm...” là kết. “Tiếp, nếu giải thích...” là phân biệt đồng khác. Trước nêu bỏ lấy. “Tiếp, nên biết...” là chính phân biệt. “Cái gọi

là tha”: Tức bộ khác. Ở bốn vị trước chỉ trừ Lộc Uyển hiển lộ không có Viên. “Cái gọi là đồng”: Chỉ nói Viên nay đồng với Viên kia. Lẽ ra nói “Kiêm, Đăn, Đối, Đối”, lại thành khác. Lại, nói “khác”: Kia không phải Bản từ lâu. Các kinh cũng có thể dụng... bản tích, danh đồng mà thể khác. Từ thể khác biên nên nói là “khác”. Nên biết cũng có thể dùng chung bốn giải thích, chỉ biết các kinh không có nghĩa Bản lâu xa thì có thể. “Vân vân”: bốn giải thích đây đối với bộ giáo liên quan nhiều, cho nên bốn thứ: nhân duyên v.v... đối với kinh trước, đều có thiết lập ra “Kiêm, Đăn, Đối, Đối” đều biệt cho nên sở truyền cũng biệt.

Tiếp, trong phần giải thích “Ngã văn” có ba phần: 1. Biện rõ xen lẫn sai khác. 2. “Nay theo lệ...”: chuẩn theo lệ như vậy. 3. “Đại luận...”: Chánh giải thích. Phẩm đầu, trong nhân duyên trước nói rõ thế giới. Đầu, dẫn luận giải thích nói: “nhĩ căn bất hoại...” là trước nêu căn trần, căn tức tứ đại thanh tịnh. Xứ là trần, chẳng phải các thứ khác thiếu duyên cho nên nói “có thể nghe”. Tuy lại có thể nghe mà phải phát ý thức, cho nên nói: “muốn nghe”, lại nhờ vào các duyên, cho nên dưới tổng nói: “các duyên hòa hợp”, chỉ trừ duyên “Không”. Tiếp, trong phần vấn đáp, có người không chấp nhận loại kinh sau khi Phật diệt độ, chỉ nói danh cú thuộc nơi hạnh uẩn. Nếu kia hoàn toàn không chịu “thấy” kinh từ đầu đến cuối hợp, thì đổi thành “nghe”, nên biết đều là trước do nhãn nhĩ sở đắc. Tiếp mới lưu nhập tướng hành, hoặc khiến một chữ, một âm thanh, nhãn nhĩ hai thức đều không có thì danh cú vẫn đều không thành tựu, nói “hòa hợp” không thể đổi. “Cái gọi là chủ”: Là tổng nêu thức tâm, tức lưu bố ở đời vẫn nhờ nguyện lực của A-nan và do thế nguyên xưa của Như Lai. Sau khi Phật diệt độ chúng sinh có căn cơ mới có thể khiến hòa hợp thành “nghe”. Cho nên, lại do “ngã”(ta) là chủ các duyên, các duyên hòa hợp “ta” mới có thể nghe, cho nên nói “Ta nghe”. Văn nêu duyên đầy đủ, cho nên chỉ nói “nghe”. Nhân duyên hòa hợp, tức Thế giới. “Hàng Vô học bay bổng nói kệ”: Khi đức Phật mới diệt độ các A-la-hán đều nói kệ rằng: “Đã vượt qua biển ái phàm phu, nhà lão bệnh tử đã được phá dẹp kiến trong hòm thân có bốn con rắn, nay nhập Vô dư Bát Niết-bàn”. Ở trong rừng sâu lại nói kệ rằng: “Phật đã tịch diệt nhập Niết-bàn, các diệt kết chúng đều theo đi, thế giới như vậy Không vô trí, đường si tối tăng, đèn trí mất”. Lúc ấy bay lên hư không thuyết kệ rằng: “Chao ôi! Các hữu khổ, luân chuyển như trăng nước, không chắc như ba tiêu, cũng như bóng, vang huyễn. Như Lai đại hùng mãnh, công đức vượt tam giới, còn bị gió vô thường, phiêu lưu mà không trụ”. “Phật thoại... Văn-thù kết tập”: Đại luận nói:

Văn-thù kết tập các kinh Đại thừa cũng đều trước nêu năm thứ: Như thị... Kinh luận hai văn đều khéo sinh luyến mộ, các A-la-hán rất luyến mộ cho nên đều theo đi. Ngón tay Phật rộng hai tấc.

Ba nghi: “Trước chúng nghi...” văn: Nếu ba đức Phật đây đều ứng với tự nói thì đều không thích hợp để nói là “nghe”, vì vậy nên “nói ta nghe thì ba nghi đều trừ”, trừ nghi tức phá ác. “Trong đệ nhất nghĩa thì không có ta, không có nghe”, như Kiền-trần-như nói “đệ nhất nghĩa đế không có chữ thanh”. “Xưa nay...” là chung bài bác xưa. Trong nhân duyên ba nghĩa trước còn tự không cùng khắp, hướng là đệ nhất nghĩa, hướng là căn cứ ba giáo v.v... “Phàm phu có ba thứ ngã”: “Kiến ngã” tức Ngã trong lợi sử, “Mạn ngã”: tuy chung tất cả lợi độn phàm phu, nhưng các phàm phu đều ở nơi thân mình để lập tế chủ, tuy không phải ngoại chấp mà đều thuộc Kiến, Tư. Nếu cái mà người học điều phục chỉ thuộc độn sử, thì tuy không có Kiến ngã mà vì tư duy chưa hết cho nên nói hai thứ “Thế gian gọi là ngã”: lưu bố ở đời một thứ mà phàm Thánh đều có, chỉ vì Thánh không có hai Ngã trước. Nay cũng không rảnh để biện minh tướng Kiến hoặc và Tư hoặc, đến văn khác sẽ nói. “Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa nói bốn câu gọi là ngã”, tức là bốn câu: Hữu v.v... Bởi vì luận kia quyển một phẩm Địa Tướng, hỏi rằng: Sao gọi là Vô ngã? và nói kệ tổng có tám hàng rưỡi, sau cùng nói: “Vậy nên ngã phi ngã, cũng ngã cũng vô ngã, phi ngã phi vô ngã, ngã sở phi ngã sở, cũng ngã cũng ngã sở, phi ngã phi ngã sở”, đó đều là tà luận. Cho nên lia bốn câu thì mới gọi là vô ngã. Đây chỉ nói: Vô ngã chính là “tức ngã vô ngã”, không nói chiết phá, cho nên ở Thông giáo.

Hỏi: Luận giải thích Biệt địa, sao phán xét thuộc Thông?

Đáp: Đăng địa về trước thì các quán đầy đủ, chỉ nói “tức Không” nghĩa thuộc về Thông, hướng lại Địa tiền thì nghĩa đương nhiên Thông giáo.

Dẫn “Đại kinh”, kinh nói: “A-nan là bậc đa văn tự nhiên năng hiểu rõ thường và vô thường, nghĩa “thường, vô thường” giống như “ngã, vô ngã”. “Bất nhị”, là đăng địa song chiếu địa tiền. Chiếu và phân biệt, danh khác mà nghĩa đồng. Viên giáo tột cùng, nên nghĩa bao gồm quyền thật, vì thù thắng thu nhiếp yếu kém cho nên hướng về một đời. Năm vị đã riêng khác, thì sở văn cũng không đồng. “Trong Chánh Pháp Niệm có ba A-nan”: cùng Tập Pháp Truyện, ba người rất giống.

Hỏi: Kinh Chánh Pháp Niệm và A-hàm, hai kinh đều là Tiểu thừa làm sao dẫn chứng bốn để truyền bốn giáo ư?

Đáp: trong Tiểu thừa một người đã phân bốn hạng, nay diễn Tiểu

khiến Đại, dùng Đại làm theo Tiểu, thì sao không thể truyền bốn ư? Hướng lại là danh thông nghĩa viên, đối lý không sai. Tiểu ở Tam tạng chung với Thông thừa, cho nên cũng gọi là tạp, hướng chi Thông Bồ-tát độn lại lẫn lộn.

“Vân vân” là một người bốn đức để dùng đối giáo và khai hiển... nghĩa như thường nói.

“Không Vương...”: Đối với Phật cũng là Bản tích trong Tích, nếu đối A-nan, hoặc chưa phải thật bản, chủ còn mờ tích, đệ tử chưa hiển rõ, cho nên cũng không nói Không Vương kiếp số. Nói “vân vân” là lẽ ra nói đầy đủ bốn nhân duyên v.v... bên trên để hiển rõ ngã quán, cũng cần phải nương vào bốn thứ: nhân duyên v.v... để biện minh thứ tự và không thứ tự. Văn đây đã đang căn cứ Giáo, Quán tâm, tâm cảnh đối nhau là nhân duyên quán, chân diệu hướng về cái còn lại là Bản Tích quán, dùng tâm quán tâm là Quán tâm quán. Giải thích nhân duyên nghe, thì không phân ra Tứ Tất-đàn mà chỉ kết chung nói “nhân duyên”. Nếu muốn phân ra thì phần đầu là thế giới, “Xưa giải...” là Vị nhân, “Kinh Báo Ân...” là đối trị, “Văn đây...” là Đệ nhất nghĩa. Đầu, là hỏi, tiếp “Đại luận...” là đáp, trong đó nói kết tập pháp. Nói kết tập thông thường có ba chỗ: Nghĩa là Một ngàn, Bảy trăm, Năm trăm, Một ngàn là chánh đương kết tập lần đầu tiên. Bảy trăm là sau khi Phật diệt độ một trăm năm, nhân Bạt-xà chuyên hành mười việc, Xá-na-ca-na bạch bảy trăm. Bảy trăm vị mới đến nước Tỳ-xá-ly, trùng kết Tỳ-ni nêu lỗi Bạt-xà. Nói Năm trăm năm là sau bốn trăm năm nhân Ca-nị-tra vương thỉnh tăng cúng dường luận đạo không đồng, nhân đây năm trăm vị đến thành Vương Xá kết tập Tam tạng lại. Nay đây từ đầu rộng như các văn, lần lượt từ tha tự tha biệt, cho nên nghe không nghe sai khác. Chưa nghe thì ưa muốn nghe, đã được nghe thì sinh vui, đều là thế giới Tất-đàn. Tam-muội là do thiện và sức năng nghe. Theo hai cách giải thích xưa và nay, thì nhập ở nghe mà Thiện sinh.

Nói “Phật giác”: Chỉ là Phật gia (thêm), giác lực như Phật nên gọi là Phật giác Tam-muội. Đã chứng không phải từ Phật nghe, cho nên gọi là khả năng tự có, dùng bản nguyện lực vì trì Phật pháp sinh thiện đời sau, cho nên xưa giải lý đương phán thuộc Vị nhân Tất-đàn. Kinh Báo Ân nói: Đệ lục, Phật tìm người làm thị giả, hứa rồi, A-nan vẫn cầu xin bốn điều: 1. Không thọ y cũ. 2. Không thọ biệt thỉnh. 3. Không giống các Tỳ-kheo, cần gặp Phật liền gặp. 4. Trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, nay nên vì con nói lại, Phật mới chỉ nói sơ (thô) A-nan đều hiểu, trí nhanh căn lợi lực trì mạnh. Lại, “mật thuyết”: Biện minh khác giác

lực và Phật thuyết lại thì chỉ mình biết người khác không biết, gọi là “mật”.

Lại, trong Đại kinh, Phật bảo Văn-thù: “A-nan hầu Phật hai mươi năm, đầy đủ tám thứ bất khả tư nghì: 1. Không thọ biệt thỉnh. 2. Không nhận y cũ. 3. Không phi thời diện kiến Phật. 4. Thấy hết thấy nữ nhân không sinh dục tâm. 5. Trì tất cả các pháp chưa từng hỏi lại, chỉ trừ hỏi dòng họ Thích bị sát hại. 6. Biết Phật nhập định. 7. Biết chúng sinh đến chỗ Phật lợi ích không đồng. 8. Những pháp bí mật của Phật ông đều biết rõ.” Kinh Thai Tạng thì nêu lúc sơ sinh để so sánh về sau. Ở tướng thai còn nghe hưởng các kinh sau. “Mặt như trăng sáng đầy”: Rút ra từ kinh Dục Vương, trong đây cũng dùng bốn tên trước và bốn câu ở Đại kinh, nhưng Đại kinh hiển Viên. Nay chính là nghĩa khai đọc căn cứ bốn giáo, tùy danh cho tiện, nên không có thứ lớp, cũng nên hiểu bốn nghĩa “nghe” đầy đủ do đó khiến thuận với ý Giáo.

Cuối phần giải thích theo Bản tích, nói “vân vân” là: 1. Bản sự cao khó lường, 2. Bản lý sâu khó nghĩ. 3. Bản tích hóa khó sánh. Đầy đủ như trong giải thích “Như thị”.

Trong phần giải thích theo Quán tâm, thì chữ “vân vân” sau cụm từ “bất văn bất văn” có nghĩa là: lẽ ra dùng đủ bốn thứ trên, lại đổi thứ lớp phân thuộc bốn người, đầy đủ như “kinh xưa Tôi nghe”. Nếu y văn nay thì dùng diệu quán. Trong câu “Nhất niệm quán là Diệu quán vân vân”, thì chữ “vân vân” nghĩa là khai thô hiển diệu để nêu rõ ý “dứt đối đãi”.

Tiếp giải thích “Nhất thời”. Đầu tiên dẫn ý Triệu Sư: “Khải” là mở đầu, “vận” là hợp nghi, phước là thiện. Phật hóa Đại, vận dụng ất xứng cơ duyên chúng sinh, cho nên nói “thiện hội” (khéo hợp). Xứng căn cơ chỉ là nhân duyên hòa hợp, xứng cơ hoan hỷ nên gọi “Thế giới Tất-đàn”. Trong đây “thế giới” thuộc kinh này, không đồng các văn khác, khác với các thời khác. Dẫn văn Đại luận nói: “Sinh thiện thế gian trị ác thế gian”. Nêu rõ hai Tất-đàn, là dựa vào đó chỉ bày tướng. Lại trong luận đó giải thích chữ “Nhất thời” cho nên lại dẫn, nhưng đây thẳng nói “thời và phương kia” có hai cách giải thích: hoặc nói “Ca-la là thời thật”, hoặc nói “Tam-ma-da là thời giả”.

Luận hỏi: Thiên Trúc giải thích thời có bao nhiêu thứ? Đáp: Có hai danh xứng. Hai chữ “Ca-la” phát âm cạn, dễ. Ba chữ “Tam-ma-da” phát âm nhiều, khó nói. Nếu trừ tà kiến thì không nói hai chữ, tức là dùng thời giả. Nếu trong đệ tử y thời ăn, hộ trì mình tướng thì dùng thời thật. Nên biết chỉ là một thời mà hai tên riêng, cho nên tiếng có khó

dễ. Vì vậy cho nên ngoại nhân chấp thời là thật mà nói kệ rằng: “Thời đến chúng sinh thực, thời đi thì thúc giục, thời năng giác ngộ người”, vì vậy thời là nguyên nhân, nên phải phá tà thuyết Tam-ma-da. Nay trong văn dùng “thời thật” chỉ bày nội sinh thiện, dùng “thời giả” phá ngoại đoạn ác.

Trong câu “Nếu thời cùng đạo hợp, thì là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn vân vân” thì chữ “vân vân” nghĩa là: Nói đạo hợp, chính là đang thiện hội (khéo gặp), sở phát thiện căn là nói Thông ý Biệt, phải căn cứ giáo vị để phán định Thiên Viên, tức là bốn vị ba giáo, Quyền Nhân (người) lý v.v... Tuy có đạo hợp vẫn phải khai hiển, cho nên bên dưới căn cứ giáo vẫn còn bốn biệt. Trong phần dưới đây các thứ cũng như Đại kinh, bốn nhân duyên trí. Kinh này nói cũng lược Khai v.v... Bản thời tự hạnh chỉ cùng Viên hợp, hóa tha bất định cũng có tám giáo. Trong câu “Bản tích giả, tiền chư nhất thời tích dã” thì hai chữ “tiền chư” là chỉ từ trước đến nay bốn giáo đều ở trong Tích.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” trở xuống lẽ ra phải nêu “vân vân” (v.v...). Văn không nêu, là thiếu. Đó là thơ diệu quán đều có quán cùng cảnh hợp, gọi là “nhất thời”. Tương tức quán, là quán của kinh này. Nếu đem quán đây căn cứ ba văn trước, thì theo lệ nói có thể biết.

Tiếp giải thích chữ “Phật”: Trong nhân duyên chỉ ứng giải thích giác, mà chỉ nói thời xứ..., là nêu rõ giác cảm ứng thời và xứ đó thôi! Chẳng phải thời xứ đó không cảm Phật hưng khởi, thời xứ khác, nên là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. “Kiếp sơ, kiếp tận” là thời rất dài, rất ngắn, rất khổ, rất vui tốt cùng. Ba thiên hạ còn lại thì giàu, thọ, vô ngã, không phải duyên cảm Phật, nhiều bệnh là giảm cực. Tiểu tam tai khởi: là đao binh, tật dịch, đói khát, tật ở trong đó nên lược nói bệnh. Luận Câu-xá nói: Đao, tật, cơ như thứ lớp bảy ngày, tháng, năm. Chỉ thời gian trường thọ, vui nhiều đều là “kiếp sơ”, thời gian thọ ngắn, khổ nặng đều là “kiếp tận”. “Đông thiên hạ” trở đi, là nêu nơi “Phật không hưng khởi”, đều do thọ lượng định, lạc định bảo đảm an lạc bảo đảm thường, không thành cơ duyên nên không cảm Phật. Đây vẫn là căn cứ xứ trong cõi Người đó thôi! Nếu luận trên cõi Trời thì Tiểu thừa cũng có người đắc tiểu quả, như Phạm vương đắc Tam quả... Nếu căn cứ kinh Hoa Nghiêm thì Tứ thiên vương, Hóa lạc thiên và Vô sắc xứ đều không cảm Phật. Các kinh khác đều chỉ trừ nạn xứ.

Nói “Giàu và thọ”: Đông gọi là Thắng thân, tức thù thắng hơn Nam châu, bởi vì giàu và thọ vậy. Tây tên là Ngưu-hóa, dùng Trâu

làm ra của cải, nên nói châu này nhiều trâu dê. Bắc gọi Câu-lô, đây gọi Thắng-xứ, cũng gọi Thắng-sinh. Trong bốn châu, thì châu này chỗ hữu tình ở, của cải đều tối thắng. Nam tên là Thiệm-bộ từ cây đặt tên. Trong Nam châu chỉ nêu đầu và cuối, trung gian cũng có sáu, bốn, hai vạn. Lại nói tám vạn là bắt đầu giảm, một trăm năm là phương cực giảm. Sau bắt đầu giảm thì Di-lặc, nay phương cực giảm thì Thích-ca. “Chưa thấy quả...” là nói rõ duyên cảm Phật, tuy lược nói địa cũng nên nói thời. “Ly-xa...” Đại kinh quyển hai mươi sáu nói: “Phật vì Ly-xa nói không phóng dật. Ly-xa nói: Chúng con tự biết mình là người phóng dật, vì sao vậy? Nếu không phóng dật thì đức Như Lai nên sinh trong nước chúng con, cứ gì bỏ chúng con đến Na-kiệt-đề. Lúc bấy giờ con của Bà-la-môn tên là Vô Thắng, nói với Ly-xa rằng: Đại vương Tần-bà đã được lợi lớn, Đức Phật xuất thế ở nước ấy, cũng như ao lớn sinh ra hoa sen lớn, tuy hoa ở trong nước bùn mà hoa không bị nhiễm bùn. Đức Phật cũng như vậy, tuy sinh trong nước kia mà không bị pháp thế gian nhiễm. Ông mê ngũ dục, không biết thân cận, gọi là người phóng dật. Chẳng phải Phật xuất thế nơi nước kia, thì gọi ông là phóng dật (Vô Thắng: A- dật-đa). Ông đam mê ngũ dục, dù Phật sinh ở nước ông, ông cũng không thấy được”. Cho nên thời xứ đây cũng căn cứ nhiều phần. Xá-vệ ba ức chẳng liên quan đến khổ lạc. Ma-kiệt-đề: Trung Hoa dịch là Bất Hại, từ sơ kiếp đến nay không có hình phạt xử tử, đến vua A-xà-thế mới có hình phạt chặt ngón tay, sau tự ông bị đứt ngón tay đau đớn cho nên ra lệnh bỏ hình phạt này. Phật sẽ sinh nước kia nên điềm lành dự báo rõ, do đó trước đặt tên Bất Hại.

“Mặt trời nếu không xuất hiện...” dẫn lời của Đại luận. “Mặt trời” dụ cho Phật xuất hiện, “ao” dụ cho Ma-kiệt, “hoa” dụ cho căn cơ chúng sinh. Đức Phật nếu không xuất hiện, thì hai Thiệm đã sinh và chưa sinh thảy đều không thành. Thiệm chưa sinh là hạ chủng, Thiệm đã sinh là thực thoát. Nhưng trong hợp dụ lại căn cứ thiện pháp hữu lậu của thế gian, nên nêu Sát-lợi... hưởng là thiện xuất thế. Cho nên khinh suất thì bị buộc ở địa ngục, nhưng vẫn còn nhân để Phật xuất thế. Chỉ có cái nhân là một niệm nhằm chán ác thì về sau mới được thoát ly, hưởng lại là nhân thiện. Cho nên luận nói: “Nếu người trì giữ năm giới, thì Thích-ca Văn Phật ở trong nhà ông”. Bốn tánh (họ) nêu hai, lại theo nghĩa hơn mà nói. Trong phân giải thích theo Đối trị Tất-đàn thì “đoạn chủng Hữu đảnh” tức là đoạn ác trong tam giới, cho nên gọi là phá ác.

Hỏi: Vị nhân Tất-đàn chỉ đến Hữu đảnh, Đối trị làm sao phá ác tam giới ư ?

Đáp: Vì Chân đế sự lý. Ở lý trung đạo thì đều gọi là sự. Nếu hai giáo trước không được dùng lý này để làm phá ác, thì do nương lý. Nay đây là Viên giáo nên được dùng.

Nói “Tam thừa”: tức thu nhiếp tam giáo, dùng Bồ-tát thu nhiếp Biệt giáo. Nói: “ngoài ra không thể cảm” là căn cứ Tám tướng hóa, ắt căn cứ xuất thế mới có thể cảm Phật, là chỉ rõ thân trong chín đường tuy là cảm Phật mà không gọi là Phật hóa, nên “không cảm Phật”. Nói “khéo đoạn”, là tại trí vô lậu, “chủng” là nghĩa năng sinh, rũ hết phi tướng lại đọa vào ba đường ác, gọi là sinh trở lại. Một phen đi không đến lại gọi là “vĩnh viễn”. Trong Đệ nhất nghĩa đã nói “pháp tánh”, phiền não tức Bồ đề cho nên nói “không động”, sinh tử tức Niết-bàn cho nên nói “không xuất”. Phật không khổ tập, đã trụ nơi pháp tánh, tuy không động xuất. Không động mà động, động núi pháp tánh, thị hiện đoạn nhân sinh cho nên gọi là “động”. Không xuất mà xuất, xuất ra khỏi biển sinh tử, hóa chúng sinh trong chín đường cho nên gọi là “xuất”. Lý này thì trước đều gọi là “thật động thật xuất”, đến đây mới biết là “chẳng sinh mà sinh, không động mà động”, thì hai giáo trước và biệt địa tiền chỉ thuộc tam Tất-đàn, dẫn nhập kinh này thuộc Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, căn cứ trong Giáo giải thích trước.

Tiếp, “Cho nên, kinh nói...” là dẫn chứng: Trước, căn cứ nhân duyên nói tướng cảm ứng; nay vì căn cứ giáo, căn cứ bốn cực quả, tướng ban đầu thành cho nên đều nói “giác”. Lại, nói tự giác giác mãn thì căn cứ ban đầu, giác tha thì thông cả đầu lẫn sau. Tây Trúc nói Phật-đà, Trung Hoa gọi là “Giác giả, Tri giả”. Đối mê gọi là “tri”, đối ngu gọi là “giác”, danh đồng đối biệt đều thuộc tự giác. Cho nên căn cứ Tứ đế, tức dùng tự giác mà “năng giác tha”, cho nên nói “cũng”. “Tổng tướng, biệt tướng”: “Tổng”, đều là Vô thường, “Biệt” tức quán Tứ niệm xứ, nghĩa là tam giới ràng buộc và Tứ thánh đế, “Biệt” đây là thấy đều quán vô thường. “Lão Tỳ-kheo” tức theo sau có sai khác, do Thông giáo Phật cũng có thể gọi là “lão”. Mà nói “Đới” (Tỳ-kheo): là biện rõ khác giáo trước, như A-hàm nói: “Đức Phật sắp Niết-bàn như lão Tỳ-kheo đến nhà Thuần-đà”. “Ba mươi bốn tâm”: tám nhãn, tám trí đoạn kiến, chín vô ngại, chín giải thoát, đoạn Tư, đoạn phục không đồng, đầy đủ như Chỉ Quán quyển ba, quyển sáu, có ghi, hoặc ở luận Bà-Sa, Câu-Xá và các A-hàm nói. Các giáo này câu sự giải thích còn lại không được “nhất niệm tương ưng, đoạn trừ các tập khí còn sót lại”. Theo ba mươi bốn tâm mà giải thích thì cuối cùng không có lý đó; đầy đủ như trong kinh Đại Phẩm, Đệ thập địa. Biệt Phật nói đầy đủ như trong kinh Anh Lạc và Đại

thừa năm mươi hai vị, Sơ địa đoạn vô minh. Viên Phật đầy đủ như Hoa Nghiêm, Sơ trụ đoạn vô minh. Nhưng trong Tiểu thừa lập hai thứ Vô tri: Nhiễm ô vô tri, thì vô minh làm thể, Bất nhiễm vô tri, thì liệt tuệ làm thể, nghĩa là vị thể thuần thực, đức số thời lượng như vậy. Nhưng bốn Phật (theo Tạng, Thông, Biệt, Viên) đều nói “Tự giác, Giác tha”, chỉ là đương giáo tự hạnh mãn vị, giác trí không đồng, hóa cảnh rộng hẹp, vậy thì tìm khắp Đại, Tiểu thừa giáo chỉ có bốn tướng thành đạo này; đầy đủ như trong “Huyền văn” nói nhân quả lưỡng diệu. Nơi khác giải thích chỉ có ba thứ: Tự giác v.v... Đã không có bốn giáo mỗi giáo đều đầy đủ ba nghĩa, thì làm sao phân biệt Đại Tiểu giáo chủ? Tóm lại mà nói không ra ngoài hai giáo. Hoặc nói “ngôi Liên hoa tạng”, hoặc nói “ba đời chư Phật đều sắc cứu cánh thành Vô thượng đạo”, đều là tướng Biệt Phật. Nếu ẩn ba tướng trước, nói theo nghĩa thù thắng thì chẳng phải vì thái hư gọi là Viên Phật. Biệt Phật đã nói đơn luận tức là ẩn hai tướng trước, như Mục-liên không cùng tận âm thanh kia... Nếu Pháp Hoa trở về trước, ba Phật lia minh (sáng) cách Thiên Tiểu, thì đến kinh này từ liệt (kém) biện rõ thắng (hơn), tức ba mà một. Nơi khác mê nhất gia mà nêu bốn Phật, là do bỏ kinh luận cự địch. Như bốn thêm thang thành Phật, Tam thừa cùng địa vị, Anh Lạc Hiền Thánh, Hoa Nghiêm dung môn. Đây bốn tướng thành đạo không thể không đều như nhau, bởi do thiết lập tích không đồng, ẩn thật che bản, cho nên khai quyền hiển bản mới biết không sai khác. Lại trong các giáo đều có năm người nói kinh. Như Đại luận nói: Phật, Thanh văn, Thiên, Tiên, và hóa nhân, trong Hoa Nghiêm thêm các Bồ-tát, lại có chúng sinh khí thể gian mà đều coi Phật là giáo chủ. Nhưng căn cứ trong Đại luận thì tứ ẩn định tức gọi Phật nói. Lại trong Hoa Nghiêm, thì Sát thuyết, Trần thuyết, Bồ-tát được gia bị cũng không ẩn thuật, còn lại ba Phật lực thông được tên Kinh (“Sát thuyết, Trần thuyết”, là hai thuật ngữ, xem Từ điển Phật học). Cho nên trong Đại luận, sở phá đều năng thông đủ bốn giáo, nếu được ý thật thì mới biết bốn Phật thể đồng dụng khác. Các người giảng kinh Hoa Nghiêm đều nói “ngã Phật”. Người đọc Duy thức không chịu theo các kinh khác, cho nên đến kinh này mới biết chỉ xưa, chỉ có đức Phật mới biết rõ hết lời nói đây là có.

Tiếp, dẫn kinh: Trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Thông Phật là Đại thân tiểu thân, cho nên nói “Đối lão Tỳ-kheo”. Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, ban đầu dựa vào thể dụng trong Bản, cho nên nói “Bản một Tích ba”. “Trung gian...” là tiếp nêu ứng hóa thắng liệt trong Tích, Tha thọ dụng báo đều tại Tích, chỉ nói sinh diệt phần

nhiều tại ứng hóa. “Duy bản địa bốn đức Phật đều Bản”, là căn cứ theo lệ mà nói thì thể dụng trong Tích đều là Tích, thể dụng của Bản địa đều là Bản. Nói đầy đủ thì như Huyền văn bản nhân quả diệu... trong phần giải thích. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, giác chỉ là trí, lục tức phán xét. Có bản không có “vân vân”, hoặc là chép sót, đáng lẽ trước biện rõ Tạng Thông rồi khi đến trong phần Biệt Viên mới được nói đến Thiên Viên hai giác, nhưng trong thứ lớp cũng có thể nhiếp được Tạng Thông hai Phật, hoặc là lược bớt đó thôi! Nếu đối với ba thứ trước thì giải thích “Phật” theo cảnh, trí, nhân duyên. Nếu căn cứ Tạng v.v.. thì giải thích “Phật” theo quán tứ giáo. Trung đối với Không Giả là giải thích “Phật” theo Bản tích, tâm mình tức là quán tâm Phật.

Tiếp, trong phần “Giải thích nghĩa Trụ”, trong đó hoàn toàn dùng Đại luận, sợ người khác không hiểu nên ban đầu nêu “năng trụ sở trụ”, hoặc chỉ thân, cội (độ) chỉ thành thế giới, tâm pháp dựa nhau mới thành ba Tất-đàn, người khác chỉ chấp nhận thân y nơi cội, mới thành Phật tâm vô sở y pháp. “Nhẫn độ (cõi)”: Kinh Bi Hoa quyển năm nói: “Do nhân duyên gì gọi là Sa-bà? Do các chúng sinh nhẫn chịu ba độc và các phiền não”, Năng, sở sai khác, nên gọi là thế giới. Cho nên Đại luận nói: “Trụ: là bốn oai nghi trụ thế (Nay gọi là Thế giới). Lại có ba thứ: 1. Thiên trụ, là Dục thiên. Nay nói thập thiện. 2. Phạm trụ, tức Sắc thiên, nay nói Tứ thiên, chỉ là tên khác. 3. Tịnh trụ, tức ba quả trở lui, nay nói Tam Tam-muội. Luận nói: “Nhập Tam Tam-muội, tức đắc sơ quả”. Tam Tam-muội là đối trị, lấy làm tam minh cận đối trị môn, đủ như Chỉ Quán quyển bảy nói. Luận lại nói: “Bố thí trì giới thiện tâm là Thiện trụ, tứ Vô lượng tâm là Phạm trụ, Tam Tam-muội là Thánh trụ, Thánh trụ chỉ là Tịnh trụ. Luận lại nói có bốn trụ: Thiên, Phạm, Thánh, Phật. Lại thêm Phật trụ, tức là Thủ Lăng-nghiêm trong văn này. Cho nên, bốn trụ này thâm nhiếp hết các luận văn. Nếu lấy giáo thâm bốn giáo thì đều có nghĩa bốn Tất-đàn bên trên. Bốn Phật đều là Đệ nhất nghĩa thiên, chỉ hai Phật trước không được nói dùng Thủ Lăng-nghiêm.

Hỏi: Nếu như vậy, thì nay giải thích Phật trụ, vì sao dùng ba Tất-đàn chỉ căn cứ Dục Sắc thiên và dùng ba quả, năng trú sở trú đều chẳng phải Phật ư?

Đáp: 1. Từ Thông hướng đến Biệt. 2. Đem thắng để nhiếp liệt. Nói “Từ Thông”: là từ rộng nói hẹp. Nói “Đem thắng”: là Phật ở Vương Xá thành ắt nhiếp Dục Sắc thiên và dùng ba quả.

Có người bài xích nói: “Nay giải thích trụ thành Vương Xá, vì sao dẫn Thiên trụ Phạm trụ v.v...?”. Người này chưa từng đọc tụng Đại Trí

luận. Đây là luận kia giải thích trụ chánh văn. Luận đủ hai ý như trước đã trình bày. Nếu chỉ dùng sắc thân trụ cõi để giải thích chữ “trụ”, thì đại Bồ-tát thân không có phương sở liền không có chỗ trụ, huống là Phật ư? Cho nên kinh Phổ Hiền Quán nói: “Cõi Thường-tịch-quang là trú xứ của Phật”. Cho nên, bên dưới căn cứ giáo đều dùng Niết-bàn làm nơi trụ.

Tiếp, trong phần “Căn cứ Giáo”, Niết-bàn đều là pháp sở trụ, đều căn cứ Đệ nhất nghĩa. Giải thích hai Phật trước đều nói “Hữu dư, Vô dư”, khéo léo vụng về tuy sai khác mà sở diệt không khác. Hai “bí mật tạng” sau chứng đạo cũng là một. “Ba đức Phật trước” trở xuống, là phán xét Diệu thô, tức là Biệt giáo chứng đạo tuy diệu mà theo giáo đạo nên phán định là thô. Nói “năng sở”: Nếu căn cứ lý mà phán xét thì như trước nói, nếu căn cứ sự mà phán xét thì chỉ là Y Chánh Tha thọ dụng độ, cho nên nói là “thô”. Nếu căn cứ lý Trung đạo, thì tuy đều đủ bí tạng cũng là theo giáo. Nay kinh là Viên giáo, lại phải khai hiển cho nên gọi là “Diệu trụ”.

Trong phần “Giải thích theo Bản Tích”, nói “Tam tạng Phật ứng Niết-bàn”, chữ “ứng” bình thanh. Nếu căn cứ “khôi đoạn” (nghĩa là thiêu thân đoạn tâm) tức ứng nhập diệt, thì nhập diệt là Bản. “Do từ bi” nên trụ thế, chỉ gọi là “trụ thế để làm thù tích”, đây Phật báo sinh không phân biệt lý bản. “Thông Phật, phò tập”, đây là theo nhân mà nói dùng Lục, Thất địa nhập Không làm Bản, dùng thế nguyện phù trợ tập khí còn sót lại để sinh trong tam giới mà lợi tha làm Tích. Quả đồng Tam tạng, nên cũng là nói theo Nhân. “Biệt Viên Phật”, đồng nói “huân pháp tánh”: giáo chứng có chút sai khác, nhưng đều nhân thời khởi bốn hồng thế nguyện sâu huân pháp tánh, chỉ nêu pháp tánh, tức lý không đồng. Trí, Đoạn tuy khác, pháp tánh không riêng biệt. “Nên biết...”, là tổng phán xét văn trước để nêu rõ Bản Tích. Bản tích chẳng phải không do từ bi. Bốn Phật trước đều là Tích cho nên lại phải nói Bản Phật trụ. “Do từ bi...”, là phán xét, đã khai Tích rồi, đây riêng có Bốn?

Tiếp, trong phần “Giải thích theo Quán tâm” thì coi trí là Phật, trí trụ vô thường và Không, Giả, Trung. Trước trực tiếp đối nhau nên bốn quán không đồng. Tiếp, căn cứ ý trụ cho nên nói “dùng pháp vô trụ mà trụ trong cảnh”, cho nên nói “vô trụ thông bốn giáo”. Thô trí, nghĩa là trụ nơi lý thật vô, nếu ở trong Viên thì liền thành dứt hẳn đối đãi.

“Vương thành”: Chuẩn theo Tây Vực Ký: Thành này có bốn ngọn núi cao bao quanh dùng làm ngoài thành. Đông Tây dài, Nam Bắc hẹp. Chu vi một trăm năm mươi dặm, tử thành ba mươi dặm. Cửa Bắc cung

thành là nơi Điều-đạt thả voi say hại Phật. Phía Đông Bắc là nơi Thân-tử gặp Mã Thắng, đắc sơ quả. Phía Đông Bắc cách chừng mười bốn, mười lăm dặm thì đến núi Thửu Phong, là nơi đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa v.v..., là nơi Ban-túc duyên được nói trong kinh Nhân Vương. Trong luận có giải thích sai khác.

Luận hỏi: Như thành Vương-xá thì Ca-tỳ-la, Ba-la-nại đều có Vương-xá, vì sao Vương thành này được nêu tên ư? Đáp: Có người nói: “Vương tử nước Ma-già-đà này có một đầu hai mặt bốn tay. Người thời ấy cho là điềm không lành, bèn cắt thân đầu vương tử ấy bỏ ngoài đồng trống. Có La-sát nữ tên là Xà-la lượm nhặt chắp lại nuôi dưỡng, về sau lớn thành người có khả năng thu gồm các nước liền chọn các vua cùng tám vạn người làm một nước.” Lăng-già lại nói: “Xưa có vị vua đi săn, ngựa kinh hãi chạy vào đường hiểm nơi không có người ở, vua cùng với sư tử cái hạnh hạnh xấu, sinh được một người con lớn đặt tên là Ban-túc, sau nối tiếp vương vị thống lãnh bảy ức chúng. Do còn tập khí ăn thịt nên không có thịt thì không ăn, sau liền ăn thịt người nên gọi là La-sát. Ngoài ra cùng văn nay đồng.

“Tứ phi thường kệ”: chỉ là Tứ vô thường kệ, đầy đủ trong như Chỉ Quán quyển bảy. Nói “đắc Không bình đẳng địa tức là Sơ địa”, kia đã cùng giáo Tiểu tức Sơ quả, Đại tức Can-tuệ địa, hoặc ở Kiến địa, Biệt tức Hoan hỷ địa, cùng Đại kinh Phạm hạnh ý đồng. Nếu vậy thì vì sao nghe vô thường mà ngộ Đại ư? Đáp: Đã nghe Bát-nhã lại nghe vô thường, sợ còn tiếc nước kia, chánh trợ hợp hành nhân được lợi ích lớn. Đây căn cứ Ban-túc duyên sai khác, nên thuộc nghĩa Thế giới Tất-đàn. “Ngàn vua lấy máu...” tuy mất nước nhỏ lần lượt biết nước lớn, tức sinh thiện thuộc Vị nhân Tất-đàn. Trăm họ bỏ Xá (nhà) khỏi bị thiêu ác, tức Đối trị Tất-đàn. Ban-túc đắc đạo là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Trong câu “Nhân duyên này trích từ Đại luận và các kinh vân vân” thì “vân vân” là: Đại luận cùng các kinh nêu ra đã nhiều nhưng không thể đủ hết, tuy nhiều nhưng không ra ngoài Tứ Tất-đàn. Trong phần “Căn cứ Giáo mà giải thích”, là nêu tứ kiến. Biện rõ cõi ngang dọc, thì đầy đủ trong Sơ Tịnh Danh, tức như văn dưới “Thuần các Bồ-tát...”. “Theo lệ thì biết...”: là dùng “Sa-la” để dụ cho Vương thành. “Giải thích theo Bản Tích Quán tâm ở sau”: là sau cùng văn “Núi” hợp nêu Quán tâm, văn sau vẫn lược đều không ra ngoài Bản tích. Nếu theo lẽ trên dưới thì nên nói Bản trụ ở thành Vương Tam-muội Tam đức Tích, ở Vương thành Nhẫn độ. “Lương Võ...”: chữ nên đổi thành “Tuy”, chim kia tự như chim ưng, nói tự chim si, hoặc sợ lầm vui thú mà không dâm, ai mà không

thương loại cái đực đều ở chung muốn kết hợp đều hót lên, kết hợp rồi đều bỏ đi cho nên ví như là hoàng phi. Thi nói: “Quan quan thư cưu tại hà chi châu, yếu điệu thực nữ quân tử hảo cầu”. Nay người Giang-đông gọi là ngạc (chim thư) ưa ở Giang châu. “Lương Võ” ý nói hình chim Tuy gần như chim Thứu, cho nên dẫn đó thôi! Đây thuộc nghĩa Thế giới. “Lại, giải thích “sơn phong...” là Vị nhân, bởi vì thấy sinh vui lòng. “Lại nói Núi....” trở xuống, là Đối trị, vì năng diệt ác cũng là phải trị ác. “Lại giải thích...” trở xuống, là Đệ nhất nghĩa. Tam thừa thánh ở Đệ nhất nghĩa.

Tiếp biện rõ “năm ngọn núi” và phần “vấn đáp” sau đó, chỉ là trong Đệ nhất nghĩa giải thích nghi và phân biệt tướng núi, chẳng phải tứ Tất-đàn. Lại kinh Tăng Nhất quyển ba mươi một nói “Đức Phật ở núi Linh Thứu, bảo các Tỳ-kheo: Lâu xa đồng gọi là Linh Thứu, lại có biệt danh các ông biết không? Cũng gọi là Quảng-phổ sơn, Phụ-trọng sơn, Tiên-nhân-quật sơn. Núi này thường có La-hán, Bồ-tát đắc đạo có thần thông và các tiên ở, có năm trăm Bích-chi-phật ở. Như Lai muốn trước là khiến Tịnh-cư thiên tử đến đây, bảo khiến ở cõi tịnh này. Hai năm sau Phật hiện ở trong đó, Bích-chi-phật nghe rồi thì thiêu thân nhập diệt. Vì sao vậy? Vì đời không có hai đức Phật, nước không có hai vua, một cảnh giới Phật không có hai tôn hiệu. Núi này cao thấp cũng lại không đồng. Quyển bốn mươi bảy nói: “Đức Phật Câu-Lưu-Tôn bốn ngày bốn đêm đi đến đỉnh núi, Đức Phật Na-Xá ba ngày ba đêm, đức Phật Ca-diếp hai ngày hai đêm, đức Phật Thích-ca chỉ trong giây lát đến đỉnh núi, đều vì người La-duyệt-kỳ mà đi (hạnh). Thời dần dần mặt núi dần dần thấp xuống. Văn thiếu giải thích theo Bản tích. Lẽ ra nói Bản trụ tam đức đại Niết-bàn sơn, Tích ở Linh-thứu. Lại, Bản tích đều có Linh-thứu. Phẩm Thọ Lượng nói: “Thường tại Bản núi Linh-thứu”. “Căn cứ Quán tâm”, thì trước là giải thích “Vương-xá thành”, đầu tiên là lập quán cảnh. Nói “Tâm vương tạo xá”, nghĩa là thức ấm là “vương”, tạo nghiệp các tâm ắt có tâm sở. Nay muốn tiêu vương, lại dùng tâm vương thiện ác để đối xá (nhà) vô ký, cho nên nói “vương tạo”. “Nếu phân tích...”: là tứ quán, đây cho thấy quán giải khác với các kinh khác, nên như Thập thừa, Thập cảnh trong Chỉ Quán. Dưới đều như vậy nên nói “vân vân”. Hai lần sau nói “Hoặc là quán”, tức quán theo hai giáo sau. Cũng phải phân biệt tướng, riêng khác không đồng, đầy đủ như trong Chỉ Quán không thể tức đủ. “Giải thích “Núi” (sơn) theo Quán tâm”, cũng trước lập quán cảnh, chính là phải quán ấm, đầy đủ như Chỉ Quán quyển năm. Trong phần “quán theo hai giáo Biệt, Viên” thì đã nói “núi

tức chánh nhân pháp tánh”, hai đức còn lại ngoài pháp thân thì căn cứ các văn nói. Cho nên, biết quán đây không đồng ý kiến với người khác. Sở dĩ lại căn cứ núi để quán, là vì núi và thành tuy khác nhau, nhưng đồng là Y báo. Thế nên căn cứ Y báo để quán Chánh báo. Lại, các quán cảnh không ra ngoài năm ấm, nay ở đây núi... thì căn cứ ấm là tiện, bởi vì trong các văn thẳng nói: “cảnh trí”. “Tự trú trong đó...”: là dùng Đại kinh và ý kinh này cộng làm tự tha. Định tuệ lực trang nghiêm, tức “tự trú trong đó”. “Dùng đây để độ chúng sinh”: tức an trí các con. “Vân vân”: là cũng nên đối với đây để biện rõ tướng đồng khác của hai quán, phương tiện chánh tu phân biệt cảnh và tâm, và đối hai thứ trước, để biện quyền thật... cho đến bốn quán cũng phải khai hiển...

Tiếp, giải thích chữ “Trung” (trong câu “Phật trụ Vương-xá thành Kỳ-xà-quật sơn trung”) vì ở trong núi thành, giải thích theo Nhân duyên... bốn thứ đầy đủ như kia đã giải thích, nay chỉ giải thích nghĩa chữ “Trung” thôi! Muốn nói lại, trước hết căn cứ sở biểu. Do đầy đủ Tứ Tất-đàn; thường ưa Trung đạo, là Phó dục. Bay lên giữa trời, giữa ngày giáng xuống, là Vị nhân. Giữa đêm diệt, là Đối trị. Nói Trung đạo, là Đệ nhất nghĩa. Các giáo đều có Trung đạo, chỉ có cái khác nhau là hữu thể, vô thể. Giải thích theo Bản tích: Quán lý Viên, là “trung” Bản. Chỉ bày lìa đoạn thường, là “trung” Tích. Kinh này là khai hiển Trung đạo. Nếu giải thích theo Quán tâm, thì tức Không tức Trung đầy đủ cả hai “trung”.

